TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 728/2024/HS-PT
Ngày: 10/9/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 847/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Cao Mạnh T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Cao Mạnh T, sinh năm 1973, tại thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Tổ B, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân Q, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1938 (đã chết); có vợ là Phạm Diệu T2, sinh năm 1973; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định đình chỉ số 78-QĐ/UBKTĐUK ngày 15/12/2023 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh Hà Giang. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 28/3/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lĩnh"; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lâm Văn Q1 - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nông Quốc B, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Vũ Kiên C, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 12/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang nhận được phiếu chuyển đơn số 58/PC-VKS-TTr-KT ngày 22/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về việc chuyển đơn của bà Phạm Thị L, sinh năm 1974, trú tại thôn T, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang tố cáo Cao Mạnh T, trú lại tổ B, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện B về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị L số tiền 2.740.000.000 đồng thông qua hình thức góp vốn mua lại quyền khai thác mỏ đá của Công ty TNHH MTV B1, địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Quá trình điều tra đã xác định: Vào khoảng cuối tháng 5 đầu tháng 6/2021 trong một chuyến công tác tại Kho bạc Nhà nước huyện B, bà Phạm Thị L cán bộ phòng Thanh tra - Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đã được Cao Mạnh T đang là Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện B đưa đi thăm quan khu vực núi đá vôi tại thôn N, xã G, huyện B Sau chuyến thăm quan, T và bà L có trao đổi bàn bạc tại phòng làm việc của T. Tại đây T thông tin gian dối với bà L rằng: *"Mỏ đá thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giangà Giang của Công ty TNHH MTV B1 đã được cấp giấy phép khai thác thời hạn 16 năm, đã đi vào khai thác được khoảng 02 năm, còn lại 14 năm, UBND tỉnh Hà Giang đã tiến hành rà soát các mỏ đá trên địa bàn tỉnh Hà Giang và thu hồi lại giấy phép. Tuy nhiên UBND tỉnh đã có văn bản "mỏ đá" trên nằm trong danh sách không phải đấu thầu lại. Do Công ty TNHH MTV B1 đang gặp khó khăn về tài chính nên muốn bán lại quyền khai thác mỏ đá nói trên"* và mời bà L góp tiền mua lại "quyền khai thác mỏ đá" của Công ty TNHH MTV B1 với giá 5 tỷ đồng, được giảm 300 triệu, còn lại 4,7 tỷ đồng. Do tin tưởng là đồng nghiệp lâu năm và nghe bị cáo T nói đã trực tiếp được nhìn thấy giấy phép khai thác, công ty đã được cấp phép rồi và văn bản của UBND tỉnh có nội dung mỏ đá trên nằm trong danh sách không phải đấu thầu lại, nên bà L đã đồng ý góp tiền mua lại quyền khai thác mỏ đá trên theo giá mà bị cáo T đã thông báo và thống nhất để bị cáo T đứng ra thực hiện các thủ tục mua bán "mỏ đá", bà L chỉ cần góp vốn, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận sau khi trừ chi phí là 50/50.

Ngày 18/6/2021, Công ty TNHH MTV B1 đã thực hiện chuyển nhượng sang tên Giám đốc, chủ sở hữu Công ty từ ông Nông Quốc B sang cho ông Vũ Kiên C, trú tại tổ B, Thị trấn Y, Hà Giang *(ông C là cháu rể của T, được T nhờ đứng tên Công ty, hoạt động theo sự chỉ đạo của T).*

Quá trình góp vốn từ ngày 02/7/2021 đến tháng 8/2021, bà Phạm Thị L đã 3 lần chuyển tiền vào tài khoản số 8210205032231 và 4 lần chuyển tiền vào tài khoản số 8210166616666 là các tài khoản cá nhân của bị cáo T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B với tổng số tiền 2.350.000.000 đồng. Nội dung chuyển tiền ghi *"E L chuyển tiền cổ phần mỏ đá"*. Trong thời gian tháng 7 và tháng 8/2021, khi bà L chưa có đủ tiền để thực hiện chuyển một lần hết số tiền "góp vốn" như đã thỏa thuận mà chuyển cho T nhiều lần, nên T đã nhắn tin, thúc giục bà L chuyển tiền, tiếp tục đưa ra thông tin

gian dối là có mấy người hỏi mua mỏ đá nhưng T không gặp, không thèm nghe điện thoại và có nói với bà L là có ai hỏi thì báo giá 20 tỷ xem thế nào để bà L thêm tin tưởng vào việc đã đầu tư mua "mỏ đá" và nhiều người hỏi mua để nâng giá trị "mỏ đá" lên. T còn nói với bà L là "đang đi xem máy" và "tìm người quản lý" để bà L tin tưởng và nhanh chóng thu xếp chuyển hết tiền cho bị cáo T. T còn yêu cầu ngoài tiền mua "mỏ đá" bà L còn phải chuẩn bị thêm khoảng 250.000.000 đồng để mua máy móc, thiết bị khai thác đá vôi *(mặc dù trên thực tế chưa có giấy phép khai thác)*. Tuy nhiên, từ khi chuyển nhượng, sang tên, Công ty TNHH MTV B1 không có bất cứ hoạt động gì liên quan đến hoạt động xin cấp giấy phép khai thác mỏ đá cũng như khai thác đá tại mỏ đá nói trên.

Tháng 8/2022, bà L tiếp tục chuyển số tiền 390.000.000 đồng cho Cao Mạnh T để mua máy móc, thiết bị phục vụ khai thác đá *(phục vụ Chương trình Nông thôn mới của* UBND huyện B*, vị trí khai thác này không liên quan đến "mỏ đá" mà T và bà L đã mua của Công ty TNHH MTV B1)*. T đã sử dụng 390.000.000 đồng để mua, thuê máy móc, thiết bị khai thác đá vôi phục vụ Chương trình Nông thôn mới của UBND huyện B năm 2022. Tuy nhiên, hoạt động không có hiệu quả và chưa thu được lợi nhuận. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra bà L xác nhận việc mua máy móc được bà L nhất trí, hiện số máy móc vẫn còn tại mỏ đá nên bà L xin rút yêu cầu về số tiền 390.000.000 đồng, không yêu cầu T trả lại số tiền này, mà chỉ yêu cầu làm rõ về số tiền 2.350.000.000 đồng mà bà đã góp vốn mua "mỏ đá".

Căn cứ sao kê tài khoản do Cao Mạnh T in tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện B và cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, căn cứ kết quả làm việc với bị cáo T và những người có liên quan, xác định: Bị cáo T sử dụng số tiền 2.350.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bà L như sau:

- Ngân hàng trừ nợ thấu chi cá nhân trên tài khoản 8210205032231 số tiền 81.569.045 đồng;

- Chuyển tiền cho Nông Quốc B để mua Công ty TNHH MTV B1 1.600.000.000 đồng;

- Số tiền còn lại, bị cáo T đã sử dụng để trả nợ cá nhân và chi tiêu cá nhân khác.

Từ tháng 7/2021 đến tháng 11/2022 *(hơn 1 năm sau khi góp tiền mua "mỏ đá")*, không thấy Công ty có hoạt động gì liên quan đến mỏ đá đã mua, mà chỉ có hoạt động khai thác đá phục vụ Chương trình Nông thôn mới và không liên quan đến "mỏ đá" của Công ty TNHH MTV B1, bà L nghi ngờ nên đã nhờ người quen tìm hiểu và phát hiện mỏ đá vôi trên chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác. Ngày 10/11/2022, bà L đã đến Kho bạc Nhà nước huyện B gặp bị cáo T tại phòng làm việc của T để nói chuyện và yêu cầu bị cáo T trả lại toàn bộ số tiền bà L đã góp vốn, nhưng T không đồng ý. Tại cuộc nói chuyện này bà L đã sử dụng điện thoại cá nhân ghi lại cuộc nói chuyện ngày 10/11/2022 giữa bà L và T để làm bằng chứng. Sau đó bà L tiếp tục nhờ những người có uy tín ở Cơ quan như Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh tác động, gặp và nói chuyện để T trả lại số tiền trên cho bà L nhưng T vẫn không đồng ý. Từ tháng 11/2022 đến tháng 8/2023, bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bị cáo T trả

tiền nhưng T không trả. Vì vậy, ngày 17/8/2023 bà L đã nộp đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Cao Mạnh T tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giangà Giang. Trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, bà L đã cung cấp toàn bộ file video (không có hình ảnh) ghi lại cuộc nói chuyện giữa T và bà L ngày 10/11/2022.

Sau khi biết bà L có đơn tố giác mình về nội dung liên quan đến việc góp tiền mua "mỏ đá", bị cáo Cao Mạnh T đã gọi điện thoại cho ông Nông Quốc B *(nguyên giám đốc Công ty TNHH MTV B1)* hướng dẫn ông B khai báo khi Cơ quan điều tra hỏi để trả lời cho khớp là: *"Ông B đã ký giấy tờ nhận tiền 5 tỷ đồng, gia lộc giảm cho 300 triệu, còn lại đã nhận đủ số tiền 4 tỷ 7 trăm triệu đồng"*. Cuộc điện thoại này đã được ông B ghi âm lại và cung cấp cho Cơ quan điều tra. Tại cơ quan điều tra ông B khai thực tế chỉ được nhận 1,6 tỷ đồng tiền mua bán Công ty TNHH MTV B1, thời điểm chuyển nhượng Công ty TNHH MTV B1 ông đã nói với bị cáo T về mỏ đá chưa được cấp giấy phép khai thác *(mới chỉ được cấp phép thăm dò và có quyết định phê duyệt trữ lượng mỏ của UBND tỉnh Hà Giang)*. Cao Mạnh T trừ nợ cá nhân của ông B số tiền là 1,4 tỷ đồng mà ông B nợ tiền T do làm ăn với nhau từ trước đó. Tổng số tiền chuyển nhượng mỏ đá xác định là 3 tỷ đồng.

Ngày 15/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã tiến hành xác minh tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang, xác định: Công ty TNHH MTV B1 chưa được cấp giấy phép khai thác khoáng sản *(đá vôi)*, chỉ được cấp giấy phép thăm dò mỏ đá vôi tại *thôn N, xã G, huyện B (Số quyết định 535/GP-UBND, ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Hà Giang. Tổng diện tích được cấp phép thăm dò là 4,3ha)*. Căn cứ kết quả thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang đã thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng mỏ đá tại Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 01/10/2019.

Kết luận giám định số 8071/KL-KTHS, ngày 13/12/2023, Viện Khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an đã kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các file video và file ghi âm mẫu cần giám định; tiếng nói của những người trong các file video và file ghi âm là giọng nói của Cao Mạnh T, Phạm Thị L và Nông Quốc B. Nội dung tiếng nói từng người được thể hiện trong Bản dịch kèm theo *(57 trang khổ giấy A4)*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giangà Giang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Mạnh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cao Mạnh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 28/3/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Cao Mạnh T có trách nhiệm trả lại số tiền 150.000.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu đồng)* cho bị hại Phạm Thị L, địa chỉ: Tổ A, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giangà Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2024, bị cáo Cao Mạnh T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại tội danh, từ đó xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Cao Mạnh T thừa nhận tội danh mà tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là đúng; thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xuất trình một số tài liệu mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Cao Mạnh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật; mức hình phạt là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tài liệu mới thể hiện: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng còn lại cho bị hại Phạm Thị L, được bà L viết đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đã thi hành xong quyết định của bản án sơ thẩm về tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc giảm hình phạt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo 06 tháng tù, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên về việc bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và giảm hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên cho rằng mức giảm 06 tháng tù như đề nghị của Kiểm sát viên là thấp, đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Cao Mạnh T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, chứng từ giao dịch chuyển tiền, kết luận giám định các file ghi âm trao đổi giữa bị hại Phạm Thị L với bị cáo do bị hại cung cấp; Kết luận giám định các file ghi âm trao đổi giữa bị cáo T với ông Nông Quốc B do ông B cung cấp và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian cuối tháng 5 và đầu tháng 6/2021, bị cáo Cao Mạnh T biết rõ mỏ đá thôn N, huyện B, tỉnh Hà Giangà Giang chưa được cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV B1 nhưng vẫn đưa ra các thông tin gian dối với bị hại Phạm Thị L với nội dung: *"Mỏ đá thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang của Công ty TNHH MTV B1 đã được cấp giấy phép khai thác*

thời hạn 16 năm, đã đi vào khai thác được khoảng 2 năm, UBND tỉnh Hà Giang đã tiến hành rà soát các mỏ đá trên địa bàn tỉnh Hà Giangà Giang và thu hồi lại giấy phép, tuy nhiên UBND tỉnh đã có văn bản "mỏ đá" trên nằm trong danh sách không phải đấu thầu lại" mục đích làm cho bị hại L tin tưởng tham gia cùng góp vốn với bị cáo mua lại Công ty TNHH MTV B1 với số tiền 4.700.000.000 đồng *(thực tế bị cáo chỉ nhận chuyển nhượng mỏ đá với giá trị 3.000.000.000 đồng)* trong khi mỏ đá chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác như bị cáo đã thông tin cho bị hại. Bằng việc đưa ra các thông tin gian dối trên, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 2.350.000.000 đồng của bị hại. Bị hại Phạm Thị L sau khi kiểm tra lại thông tin về mỏ đá và biết rằng Công ty TNHH MTV B1 chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác nên đã nhiều lần gặp và trao đổi với bị cáo để đòi lại số tiền đã góp vốn nhưng không được nên ngày 22/8/2023, bị hại đã làm đơn tố cáo gửi đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang. Đến ngày 01/11/2023, bị cáo T đã trả được số tiền 2.200.000.000 đồng cho bị hại L. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã kết án bị cáo Cao Mạnh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Cao Mạnh T về việc giảm nhẹ hình phạt:

[2.1] Bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường được cho bị hại số tiền 2.200.000.000 đồng trước khi khởi tố vụ án; quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều bằng khen, giấy khen; có bố mẹ vợ là người có công với Cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba. Do đó Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù, thuộc khung hình phạt liền kề quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình một số tài liệu thể hiện: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 150.000.000 đồng cho bị hại Phạm Thị L *(có biên bản giao nhận tiền được xác nhận của Chánh Văn phòng Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang)*, được bà L viết đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo cũng đã thi hành xong quyết định của bản án sơ thẩm về tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, và quan điểm của Kiểm sát viên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích trở về với gia đình và xã hội. Quan điểm của Người bào chữa cho bị cáo về việc giảm cho bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù không được Hội đồng xét xử chấp nhận do không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Mạnh T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang về phần hình phạt đối với bị cáo, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cao Mạnh T 07 *(bảy)* năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bắt đầu chấp hành hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 28/3/2024.

2. Ghi nhận bị cáo Cao Mạnh T đã bồi thường cho bị hại Phạm Thị L số tiền 150.000.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu đồng)*; đã nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 *(bảy triệu năm trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0000241 ngày 22/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang. Bị cáo đã thi hành xong về phần trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

3. Bị cáo Cao Mạnh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Vụ GĐKT I – TANDTC;*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Giang;*
- *VKSND tỉnh Hà Giang;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Giang;*
- *Công an tỉnh Hà Giang;*
- *Bị cáo (theo địa chỉ);*
- *Người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu: P. HCTP, HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh